TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG Số: 43/2022/QĐCNTTLH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Đà Lạt, ngày 29 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Lê Duy N và bà Trương Thị Thùy T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của ông Lê Duy N.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Ông Lê Duy N, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp D, xã BM, huyện CC, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Bà Trương Thị Thùy T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: đường LG, phường H, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 6 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 6 năm 2022, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Duy N và bà Trương Thị Thùy T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao con chung Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/11/2010 cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi cháu Trân 2.000.000 đồng/tháng. Giao con chung Lê Ngọc Bảo Â, sinh ngày 09/10/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Â 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022 cho đến ngày các con chung thành niên.

Việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày ông Ngọc, bà Trang có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Ngọc, bà Trang còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Ông N, bà T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N, bà T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP.Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP.Đà Lạt;
- UBND phường a, Q.BT, TP.Hồ Chí Minh;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(*Đã ký và đóng dấu)*

Nguyễn Thị Loan